

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 167/2021/HS-ST

Ngày 01 – 7 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lập

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Mạnh Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

* Họ tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 15/9/1979, tại: Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Chung; có vợ là: Nguyễn Thị L (đã ly hôn năm 2013); có 02 con: Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 15/01/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”; hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Khương Thị Sen - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Bị hại:**

- Chị Đinh Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 3, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1935; trú tại: Tổ 1, khu 11, phường V,

thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Chị Trần Thị X, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; đều trú tại: Tổ 3, khu 4, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; trú tại: Tổ 6, khu 9, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; trú tại: tổ 7, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Lê Tuyết M, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 3D, khu 3, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 13, khu 2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1961 và ông Hà Văn Y, sinh năm 1964; đều trú tại: Tổ 30, khu 5, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị L, trú tại: số nhà 63, tổ 13, khu 2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Vũ Đức D, sinh năm 1951 và Bà Lê Thị T, sinh năm 1955; đều trú tại: Tổ 36, khu 2, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; tạm trú: Tổ 50, khu 5, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Đinh Văn T, sinh năm 1957; trú tại: Tổ 3, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T anh Phạm Văn H, anh Nguyễn Hùng C, chị Nguyễn Thị D, chị Hoàng Thị S, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Bá C, anh Hà Ngọc S, anh Lê Văn T, anh Đỗ Văn G, anh Đinh Xuân N, anh Trần Văn L, anh Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Thanh S; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**) Quá trình điều tra xác định:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến ngày 06/7/2020, Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn giả danh là cán bộ cơ quan nhà nước, Công an và cán bộ phòng tài nguyên môi trường thành phố Hạ Long để thực hiện 08 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” dưới hình thức nhận tài liệu, giấy tờ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 08 hộ dân, hứa nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất; xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm chế độ hưởng lương thương binh và phúc khảo điểm thi công chức trong ngành giáo dục để chiếm đoạt tổng số tiền 299.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) trên địa bàn thành phố Uông Bí, thành phố Cẩm Phả và thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

***Lần thứ nhất:** Năm 2015, ông Đinh Văn T có nhu cầu xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do bị cháy), thì được chị Đinh Thị T (con gái ông T) có quen biết và giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được ông T. H đến nhà ông T nói làm được thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với giá là 4.000.000đ thì ông T đồng ý. Sau đó, ông T đưa cho chị T các giấy tờ gồm: 01 tờ sơ đồ hiện trạng xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, 01 phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, 02 giấy khai sinh, 02 chứng minh nhân dân. Sau đó, chị T đưa giấy tờ trên và số tiền 4.000.000 đồng (Số tiền này của chị Tươi) cho H. Sau khi H nhận tiền và giấy tờ trên, nhiều lần chị T điện thoại hỏi nhưng H đều lấy lý do chưa làm được. Sau đó ông T đã đến Cơ quan chức năng để xin cấp lại sổ đỏ. Do số tiền không lớn nên chị T không trình báo Công an.

***Lần thứ hai:** Ngày 19/6/2019, ông Nguyễn Văn N muốn chuyển đổi mục đích sử dụng 150m² đất, tại tổ 3, khu 8, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, từ đất trồng cây lâu năm sang đất xây dựng, thì được anh Phạm Văn H (là cháu họ) và anh Lê Văn T (bạn H) giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được ông N. Qua sự giới thiệu, Hà đến nhà ông N nói mình là cán bộ của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Hạ Long và làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất cho ông N trong khoảng thời gian 15 ngày, thì ông N đồng ý. Ngày 21/6/2019, H mượn 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, biển kiểm soát 14A-353.36 của anh Nguyễn Mạnh C đi đến nhà ông N để lấy giấy tờ. Tại đây ông N đưa cho H gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 57; 01 bản gốc tờ bản đồ số 67; 02 bản sao giấy chứng minh nhân dân; 01 bản sao sổ hộ khẩu. Đến khoảng 18 giờ ngày 24/6/2020, H tiếp tục thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda City, màu trắng, biển kiểm soát 14A-269.12 của anh Trần Văn L, đến nhà ông N để ứng 10.000.000đ (mười triệu đồng), lấy lý do H đi quan hệ. Ông N đã đưa số cho H số tiền trên nhưng không viết giấy giao nhận tiền. Đến khoảng 09 giờ ngày 30/7/2019, Hà mượn xe ô tô biển số 14A-353.36 của anh Cường, đi đến nhà ông Ngân lấy 160.000.000đ, lấy lý do H đi nộp thuế trước bạ. Ông Ngân đồng ý và cầm tiền đi cùng H. Khi chở ông N đến khu vực Trung tâm thương mại Vincom thành phố Hạ Long, thì H bảo ông N đưa 160.000.000 đồng cho H để đi nộp. H nói với ông N: *“Vì ông N không phải người trong ngành, vì H đang nhận làm giúp cho 01 người quen, nên ông N đi nộp sẽ lộ”*. Do tin tưởng nên ông N đưa số tiền trên cho H và viết giấy giao nhận tiền để H ký nhận. Ông Ngân đứng ngoài đợi Hà vào nộp tiền, nhưng không thấy H đi ra nên đã gọi điện thoại hỏi thì H nói chưa nộp được tiền. Sau đó H nhờ anh Lưu Quang T (anh em xã hội) thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe RIO, biển số 14A-253.11 của anh Đỗ Văn L (sinh năm 1997, trú tại tổ 33, khu 3, phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long) đến chở ông Ngân về nhà. Đến ngày 06/7/2020, Hà thuê xe tắc-xi chở ông Ngân đến Ủy ban nhân dân phường Việt Hưng để viết 01 giấy ủy quyền bằng tay, nói là *“H là người trong ngành không cần làm giấy theo mẫu”*. Ông N đã viết giấy ủy quyền và cùng Hà ký. Lúc này H đưa cho ông N 01 giấy tiếp nhận hồ sơ trả kết quả của Trung tâm hành chính công thành phố Hạ Long. Về đến nhà ông N so sánh với giấy tờ của ông thì thấy một số thông tin của ông bị sai lệch nên ông N đã gọi điện thoại cho

H nhưng H không nghe máy. Sau khi nghe tin H bị bắt, ông N đã đến Công an thành phố Hạ Long trình báo.

* **Lần thứ ba:** Khoảng tháng 06/2019, ông Nguyễn Văn C muốn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 300m², tại tổ 3, khu 4, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, thì được anh Lê Văn T giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được ông C. Sau đó H đến nhà ông C tự giới thiệu làm Cơ quan nhà nước và làm được thủ tục trên trong khoảng thời gian 02 tháng, chi phí là 22.000.000 đồng. Ngày 15/7/2019, H đến nhà ông C để lấy tiền nhưng ông C không có nhà, nên bà Trần Thị X (vợ ông C đưa cho H số tiền **22.000.000đ**). H nhận tiền và viết “Giấy vay tiền” có nội dung: đã nhận số tiền trên từ bà X. Việc bà X giao tiền cho H có anh Nguyễn Bá C, con trai bà X chứng kiến. Sau 02 tháng nhận tiền, ông C nhiều lần gọi điện hỏi Hà việc làm được thủ tục trên chưa thì H lấy lý do hồ sơ còn thiếu một số giấy tờ, cần có thời gian để hoàn thiện. Ông C không đồng ý nên đã đòi lại giấy tờ và số tiền trên, nhưng H không trả. Sau đó, ông C nghe tin H bị Công an thành phố Hạ Long bắt, nên đã đến Công an trình báo.

* **Lần thứ tư:** Khoảng tháng 6/2019, bà Nguyễn Thị S muốn làm thủ tục hưởng chế độ lương thương binh. Thông qua chị Hoàng Thị S, bà S biết chị Nguyễn Thị T quen Nguyễn Văn H nói H có thể giúp được bà S. Đến chiều ngày 01/7/2019, bà S đến quán nước của bà Tân gặp Nguyễn Văn H. Tại đây, H nói giá chi phí để làm thủ tục trên là 30.000.000 đồng thì bà Sáu đồng ý và đưa hồ sơ cho H gồm: 02 đơn xin xác nhận; 01 đơn đề nghị; 01 bản hợp đồng xác nhận người có công; 01 bản sao Quyết định; 03 giấy chứng nhận thương tật; 01 biên bản kiểm tra danh sách lưu trữ tại đơn vị; 01 công văn cung cấp danh sách quân nhân bị thương; 01 chứng minh nhân dân; 01 phiếu sức khỏe; 01 Quyết định phục viên. Khoảng đầu tháng 07/2019, chị Sáu đưa 30.000.000 đồng cho chị T, nhờ chuyển cho H. Chị Tân nhận tiền và nhờ anh Đỗ Xuân G (chạy xe ôm) chuyển cho H 20.000.000 đồng và hẹn làm xong sẽ đưa nốt 10.000.000 đồng. Bà T đã giao lại cho chị Sáu số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận hồ sơ và tiền, H hứa đến đầu tháng 07/2020 bà S sẽ được hưởng chế độ thương binh, nhưng đến nay H không làm được, cũng không trả lại tiền cho bà S.

* **Lần thứ năm:** Khoảng tháng 08/2019, chị Nguyễn Thị O muốn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 121m², tại tổ 7, khu 6, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, thì được em gái là chị Nguyễn Thị B giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được chị O. Sau đó, H chủ động điện thoại cho chị O từ số điện thoại 0913.132.789 và nói chi phí làm thủ tục trên là 35.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần, chị O đưa cho H số tiền 35.000.000 đồng và hồ sơ, gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 sổ hộ khẩu; thông báo nộp thuế nhà đất; bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; biên lai thu thuế sử dụng đất; biên lai thu phí và lệ phí (bản chính). Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H hẹn khoảng 02 tháng sau sẽ làm xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị O. Khi chị O gọi điện hỏi thì H lấy lý do trì hoãn. Khoảng tháng 04/2020 chị O đã đòi lại tiền giấy tờ nhưng H không trả.

***Lần thứ sáu:** Khoảng tháng 09/2019, ông Vũ Đức D muốn bỏ sung tiền đền bù phần đất, diện tích 3,8m² (trên thửa đất diện tích 53,3m²), tại Tổ 36, khu 2, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, thì được chị Lê Tuyết M em gái bà Lê Thị T (vợ ông D) giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được. Ông D đã giao cho chị M, gồm: 01 đơn khiếu nại lần 2; 01 tờ bản đồ; 01 đơn xin mua bán nhà; 01 bản xác nhận chấp thuận việc mua bán của phòng xây dựng; 02 biên bản bàn giao nhà đầu khu Loong Toòng; 02 công văn của Công ty ăn uống dịch vụ; 01 bản Trích nghị quyết của Công ty ăn uống, dịch vụ; 01 biên bản đấu thầu nhà; 01 sơ đồ vị trí khu nhà Loong Toòng. Khoảng 02 tuần sau, H đến nhà chị Mai nhận hồ sơ và 5.000.000đ, nhưng đến nay H không làm được cho ông Dịch và không trả lại tiền và giấy tờ nêu trên cho chị Mai.

*** Lần thứ bảy:** Khoảng đầu tháng 12/2019, chị Nguyễn Thị Ánh N, đang là cán bộ hợp đồng của Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh muốn phúc khảo điểm thi công chức đề vào làm cán bộ chính thức tại Trường, thì được mẹ là bà Phạm Thị L nhờ Nguyễn Văn H giúp chị N. Hà chủ động liên hệ từ số điện 0913.192.789 tới số điện thoại 0976.606.928 của chị N bảo chuẩn bị giấy tờ, gồm: 01 đơn xin xác nhận thân nhân người có công với cách mạng, 01 Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và số tiền 30.000.000 đồng để H làm giúp. Ngày 16/12/2019, H đến nhà bà L gặp chị N và bà L. Tại đây H giới thiệu là Công an, nên chị Ngọc, bà Lương tin tưởng, sau đó bà L đã đưa cho H số tiền 30.000.000đ và giấy tờ trên. Lúc này, H nhìn thấy ở phòng khách nhà bà L treo trên tường 02 kỷ niệm chương của ông Nguyễn Thanh S (chồng bà L), nên H bảo chị N phô tô 02 kỷ niệm chương chuyển lại cho H. Sau đó, chị N biết tin H đã bị Công an thành phố Hạ Long bắt thì mới biết bị H lừa chiếm đoạt số tiền nêu trên.

*** Lần thứ tám:** Khoảng tháng 01/2020, bà Lê Thị D muốn làm thủ tục tách thửa 1/2 diện tích thửa đất bà đang sử dụng cho con trai bà là anh Hà Ngọc S, thì được bà Nguyễn Thị T giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được. Bà D chủ động gọi vào số điện thoại 0913.192.789 của H. Sau đó H đến nhà bà D yêu cầu cung cấp các loại giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 quyền sở hộ khẩu; 03 bản sao chứng minh nhân dân của bà Dung, ông Yên và anh S. H nói giá 15.000.000 đồng, nhưng sau đó hai bên thống nhất mức 13.500.000 đồng. H đã nhận tiền cùng các giấy tờ trên và hẹn 01 tháng sẽ hoàn thành. Sau đó H nhờ anh Nguyễn Hùng C là nhân viên của Công ty cổ phần đo đạc và xây dựng Quảng Ninh, đến đo đất cho bà D, rồi H điện thoại hẹn bà D, ông Y và anh S đến Văn phòng công chứng tại Tổ 1A, khu 6A, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, làm thủ tục tặng cho, tặng đất. Tại Văn phòng công chứng, H đưa 01 văn bản đánh máy sẵn tặng cho quyền sử dụng đất. Ông Yên và anh S ký, rồi H chuyển văn bản đó cho Văn phòng công chứng. Thời gian sau đó, bà D liên tục gọi cho H để hỏi nhưng H đều lấy lý do khát. Đến khoảng tháng 05/2020, H nhờ bạn (không nhớ thông tin, lai lịch) cầm trả lại cho bà D 03 chứng minh nhân dân bản gốc cùng với sổ hộ khẩu của gia đình bà D, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì H giữ lại. Đến ngày 16/6/2020 bà D gọi điện cho H đến nhà bà D để viết giấy nhận tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của bà D. H hẹn 10 ngày sẽ hoàn thành việc tách thửa, nếu không H sẽ trả lại tiền và giấy tờ trên cho bà D, nhưng đến nay H không trả.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 tờ giấy, có chữ viết bằng mực màu đen, đề ngày 16/6/2020 (bản gốc), đã niêm phong (do Bà Lê Thị D giao nộp).

- Các bản phô tô giấy tờ: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 088903; 01 giấy ủy quyền viết ngày 06/7/2020; 01 giấy đơn xin xác nhận; 01 giấy giao nhận lập ngày 21/6/2019 (do ông Nguyễn Văn N giao nộp).

- 01 bản phô tô giấy vay tiền lập ngày 15/7/2019; 01 bản gốc giấy vay tiền lập ngày 15/7/2019 (do anh Nguyễn Văn C giao nộp).

- 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG461752 (01 bản gốc, 01 bản phô tô)); 04 bản gốc và 02 bản phô tô Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất, số chứng thực 337, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD; 01 bản gốc đơn xin xác nhận nộp thuế đất của UBND phường Hà Khánh; 01 bản phô tô giấy đơn xin cam kết lập ngày 15/1/2020; 08 bản phô tô giấy biên lai thu thuế; 03 giấy chứng minh nhân dân của Hà Ngọc S, trong đó có 01 bản sao và 01 bản phô tô; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu mang tên Hà Ngọc S; **01 đĩa CD-T 80MQ (do chị Nguyễn Thị D giao nộp).**

- 01 thông báo về việc trả hồ sơ số 662, ngày 27/6/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hạ Long; 08 tài liệu được trích xuất từ hệ thống chính quyền điện tử tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính “lĩnh vực đất đai” (do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hạ Long cung cấp).

- Anh Trần Minh C giao nộp 07 tập tài liệu gồm:

+ Tập thứ nhất: 01 đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất; 02 tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; 01 tờ khai tiền sử dụng đất; 01 bản cam kết; 01 sổ hộ khẩu; 01 Thông báo về việc trả hồ sơ cho tổ chức, công dân; 02 chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 721088, có thông tin của ông Trần Văn V và bà Trần Thị H; 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0045413; 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0026834; 01 bản sao giấy trích lục khai sinh của bà Lê Thị D; có thông tin của ông Hà Văn Y.

+ Tập thứ hai: 01 giấy chuyển nhượng nhà đất; 01 phiếu trình; 01 trích biên bản xét duyệt; 01 đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 phiếu trích biên bản xét duyệt; 02 sơ đồ nhà đất; 01 đơn xin xác nhận nộp thuế nhà đất; 01 phiếu trích biên bản xét duyệt; 01 phiếu chuyển thông tin địa chính; 01 sổ hộ khẩu; 02 bản phô tô giấy nhượng nhà đất; 02 bản phô tô chứng minh nhân dân; 01 sơ đồ nhà đất; có thông tin của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị X; 01 đơn xin đất làm nhà của bà Nguyễn Thị L; 01 biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất do UBND phường Hà Khẩu lập ngày 09/9/1998; có thông tin của Trần Văn K (không rõ lai lịch); 01 giấy biên nhận lập ngày 26/1/1993; 01 đơn xin đất có thông tin của Trần Thị D (không rõ lai lịch); 01 giấy giao kèo đề tên người giao Đinh Thị L người nhận Trần Văn K; 01 giấy nhượng lại nhà ở; có thông tin của

Đinh Thị L (không rõ lai lịch, 01 tờ trích lục bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất; có thông tin của Lê Thị N (không rõ lai lịch); 01 Thông báo nộp thuế; có thông tin của Phạm Ngọc M (không rõ lai lịch).

+ Tập thứ 03: 01 đơn xin xác nhận; 01 đơn đề nghị; 01 bản họp hội đồng xác nhận người có công; 01 bản sao Quyết định; 03 giấy chứng nhận thương tật; 01 biên bản kiểm tra danh sách lưu trữ tại đơn vị; 01 công văn cung cấp danh sách quân nhân bị thương; 01 danh sách quân nhân bị thương; 01 chứng minh nhân dân; 01 phiếu sức khỏe; 01 Quyết định phục viên; có thông tin của bà Nguyễn Thị S.

+ Tập thứ 04: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 trích lục bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất; 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị L; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Q cho L; 01 lời chứng của công chứng viên Đỗ Lê D; 01 sơ đồ thửa đất hộ ông Bùi Đình H, địa chỉ khu 11, xã Việt Hưng, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh, có thông tin của ông Ngô Hải Tuyến và bà Lê Thị Q; 01 đơn xin dự tuyển vào lớp 10 THPT; 01 giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; 01 giấy xác nhận điểm thi tuyển vào lớp 10; 01 chứng chỉ tin học, ứng dụng; 01 học bạ số QN2-11; có thông tin của anh Vũ Bình Đ; 01 giấy khai sinh Tuấn; 04 giấy khen của T (năm 2016-2019 tại Trường Lý Thường Kiệt, TP Hạ L); 01 giấy khen về kỹ năng sống Awaken; có thông tin của Trần Minh T (không rõ lai lịch); 01 giấy chứng nhận học sinh giỏi tỉnh năm 2019; có thông tin của Nguyễn Thị Hà Mi (không rõ lai lịch); 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô khách BKS 14B-033.03; 01 phiếu kiểm định xe ô tô khách BKS 14B-033.03; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22J8003450; có thông tin của ông Ngô Văn Quảng.

+ Tập thứ 05: 01 bản phô tô chứng minh nhân dân chị Bùi Thị T; 01 sổ hộ khẩu; 02 phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; 01 bản phô tô chứng minh nhân dân; 01 bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; 01 giấy chuyển nhượng nhà, đất; có thông tin của chị Nguyễn Thị B; 04 bản mô tả gianh giới thửa đất; 03 chứng minh nhân dân phô tô; 04 thông báo nộp thuế đất; 03 phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; 01 sổ hộ khẩu; 08 biên lai thu thuế nhà, đất; 01 phiếu hướng dẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 tờ khai tiền sử dụng đất; 01 tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất có thông tin của chị Nguyễn Thị O; 01 biên bản kiểm tra thực địa; 02 sơ đồ đất; 01 đơn đề nghị cấp chứng nhận, quyền sử dụng đất; có thông tin của ông Nguyễn Văn H; 02 biên bản giao nhận; 04 thông báo nộp thuế nhà đất; 01 giấy chuyển nhượng nhà đất; 01 giấy chuyển cho con đất; có thông tin của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị B.

+ Tập thứ 06: 01 đơn xin xác nhận thân nhân người có công với cách mạng; 01 Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp hàng tháng; có thông tin của ông Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Ngọc Á; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có thông tin của ông Phạm Văn D và bà Bùi Thị M; 01 tờ bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất; 02 phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; 02 sơ đồ hiện trạng xin cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ; 02 chứng minh nhân

dân; 02 chứng minh nhân dân Đ; 01 phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; 02 bản phô tô sổ hộ khẩu; 02 giấy khai sinh; có thông tin của ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị Đ.

+ Tập thứ 07: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 đăng ký xe ô tô khách số 012069 mang tên S, BKS 14B-006.96; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô khách BKS 14B-006.96; 01 phiếu kiểm định xe ô tô khách BKS 14B-006.96; có thông tin của anh Nguyễn Tiến S; 01 đơn khiếu nại lần 2; 01 tờ bản đồ; 01 đơn xin mua bán nhà; 01 bản xác nhận chấp thuận việc mua bán của phòng xây dựng; 02 biên bản bàn giao nhà khu Loong Toong; 02 công văn của Công ty ăn uống dịch vụ; 01 bản Trích nghị quyết của Công ty ăn uống, dịch vụ; 01 biên bản đấu thầu nhà; 01 sơ đồ vị trí khu nhà Loong Toong; có thông tin của ông Vũ Đức D và bà Lê Thị T.

*** *Tại Kết luận giám định số 1064 ngày 14/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận:***

- Chữ viết “Nguyễn Văn H” trong “giấy giao nhận” đứng tên người giao “Nguyễn Văn Ngân”, đề ngày 21/6/2019 là do Nguyễn Văn H viết ra.

- Chữ ký trong giấy mang tên “Nguyễn Văn H” trong 01 “giấy giao nhận” đứng tên người giao “Nguyễn Văn N”, đề ngày 21/6/2019; 01 “giấy vay tiền” mang tên “Nguyễn Văn H”, đề ngày 15/7/2019; 01 giấy bắt đầu bằng các chữ “Hôm nay ngày 16/6/2020...” và kết thúc bằng các chữ “...nộp tiếp đơn cho công an”; do Nguyễn Văn H ký ra.

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Văn Hà” trong tài liệu cần giám định là 01 “giấy ủy quyền” (bản phô tô), đứng tên người ủy quyền là “Nguyễn Văn Ngân” không phải là chữ ký trực tiếp nên không giám định.

*** *Xử lý vật chứng:*** Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long đã ra **Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài liệu như sau:**

- Bà Lê Thị D: 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0045413; 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0026834; 01 giấy trích lục khai sinh (bản sao),

- Ông Nguyễn Văn N: 01 đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất; 02 tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; 01 tờ khai tiền sử dụng đất; 01 bản cam kết; 01 sổ hộ khẩu; 01 chứng minh nhân dân Ngân; 01 chứng minh nhân dân Thuận; 01 Thông báo về việc trả hồ sơ cho tổ chức, công dân nêu trên.

- Ông Nguyễn Văn C: 01 giấy chuyển nhượng nhà đất; 01 phiếu trình; 01 trích biên bản xét duyệt; 01 đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 phiếu trích biên bản xét duyệt; 02 sơ đồ nhà đất; 01 đơn xin xác nhận nộp thuế nhà đất; 01 phiếu trích biên bản xét duyệt; 01 phiếu thông tin địa chính; 01 sổ hộ khẩu; 02 giấy nhượng nhà đất; 01 chứng minh nhân dân X; 01 sơ đồ nhà đất; 01 biên bản xác định ranh giới; 01 giấy biên nhận; 01 đơn xin đất; 01 giấy giao kèo; 01 trích lục bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất; 01 thông báo nộp thuế; 01 giấy chuyển nhượng nhà ở; 01 đơn xin đất làm nhà cấp 4 nêu trên.

- Bà Nguyễn Thị S: 02 đơn xin xác nhận; 01 đơn đề nghị; 01 bản hợp đồng xác nhận người có công; 01 bản sao Quyết định; 03 giấy chứng nhận thương tật;

01 biên bản kiểm tra danh sách lưu trữ tại đơn vị; 01 công văn cung cấp danh sách quân nhân bị thương; 01 danh sách quân nhân bị thương; 01 chứng minh nhân dân; 01 phiếu sức khỏe; 01 Quyết định phục viên nêu trên;

- Ông Vũ Đức D và bà Lê Thị T: 01 đơn khiếu nại lần 2; 01 tờ bản đồ; 01 đơn xin mua bán nhà; 01 bản xác nhận chấp thuận việc mua bán của phòng xây dựng; 02 biên bản bàn giao nhà đầu khu Loong Toong; 02 công văn của Công ty ăn uống dịch vụ; 01 bản Trích nghị quyết của Công ty ăn uống, dịch vụ; 01 biên bản đầu thầu nhà; 01 sơ đồ vị trí khu nhà Loong Toong.

Các tài liệu làm việc với Phòng Lao động, thương binh và xã hội thành phố Hạ Long, ban chỉ huy quân sự TP Hạ Long và UBND phường Hồng Hải thành phố Hạ Long thể hiện: Từ thời gian tháng 7 năm 2019 đến ngày 07/7/2020, cả 03 cơ quan trên đều không tiếp nhận hồ sơ nào về việc hưởng chế độ thương binh cho người có tên là Nguyễn Thị S.

Các tài liệu làm việc với Phòng tài nguyên và môi trường, thể hiện: Ngày 26/6/2019, Trung tâm hành chính Công thành phố Hạ Long có tiếp nhận 01 bộ hồ sơ đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của người có tên Nguyễn Văn N. Ngày 27/6/2019, Trung tâm hành chính công đã chuyển hồ sơ này đến Phòng tài nguyên môi trường để thẩm định. Do không đủ điều kiện, nên cùng ngày Phòng tài nguyên và môi trường đã chuyển lại hồ sơ đến Trung tâm hành chính công.

* Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản phù hợp với lời khai của **bị hại**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

*Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

* Những người làm chứng có lời khai:

- Anh Phạm Văn H khai: Khoảng tháng 10 năm 2019, anh Hưng được nghe ông Ngân nói được anh Thao giới thiệu một người tên là Hà làm ở cơ quan hành chính công thành phố Hạ Long để ông Ngân nhờ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ngoài ra, anh Hưng không biết nội dung nào khác.

- Anh Lê Văn T khai: Khoảng tháng 7 năm 2019, thông qua anh Phạm Văn H, anh T được biết ông Ngân có nhu cầu làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Anh T gọi điện cho H bảo H xuống gặp trực tiếp ông N để trao đổi. Việc ông N và H gặp nhau, trao đổi như thế nào thì anh T không biết, không tham gia. Cùng thời điểm trên, anh T còn giới thiệu H cho ông Lê Văn C (là hàng xóm của ông N) để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Anh Nguyễn Mạnh C khai: Anh C là chủ chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14A-35336. Do có quan hệ quen biết nên anh C đã nhiều lần cho H mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Việc H sử dụng xe vào việc gì thì anh Cường không biết. Anh C chưa bao giờ chở H sang phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long.

-Anh Trần Văn L khai là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda City, màu sơn trắng, biển kiểm soát 14A-269.12 và làm nghề lái xe tắc xi. Năm 2019,

anh L chở Nguyễn Văn H đi đến rất nhiều địa điểm ở thành phố Hạ Long, nhưng không nhớ rõ địa điểm cụ thể, chỉ nhớ có 02 lần chở H sang khu vực Đồng Đăng thuộc phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, trong đó có lần H bảo chở đến ngã ba Đồng Đăng, sau đó đi tiếp vào đường Trới để gặp 01 người đàn ông khoảng 60 tuổi. Khi H xuống xe thì anh L ngồi trong xe đợi. Một lúc sau, H và người đàn ông lên xe của anh L, rồi H bảo anh L chở sang bên Hòn Gai (vào khoảng 16 đến 17 giờ cùng ngày). Các lần chở H đi, anh L đều không biết H đến đó, gặp gỡ để làm công việc gì. Anh L chưa bao giờ cho H mượn xe.

- Anh Đinh Xuân N khai là chủ xe ô tô biển kiểm soát 14A-220.49 và làm nghề lái xe tắc xi. Anh N đã nhiều lần chở H đi đến các địa điểm, trong đó có 02 lần chở đến khu vực ngã ba Đồng Đăng, trong đó có lần H đi ra cùng 01 người đàn ông cao tuổi. Anh N không biết H gặp người đàn ông này để làm gì.

- Anh Nguyễn Bá C có lời khai phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn C, chị Trần Thị X như trên.

- Chị Hoàng Thị S khai: Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2019, thông qua chị Nguyễn Thị T, chị S biết Nguyễn Văn H và nhờ H làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Hai bên gặp nhau và thống nhất mức chi phí H làm thủ tục là 20.000.000đ. Sau khoảng 01 tháng, Hà liên lạc bảo chị S đến Trung tâm hành chính công thành phố Hạ Long đóng tiền thuế và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng giữa năm 2019 chị S biết Nguyễn Thị S muốn làm thủ tục được hưởng chế độ thương binh. Do tin tưởng H, nên chị S đã giới thiệu Nguyễn Văn H có thể giúp được chị S. Chị S đã dẫn chị S đến quán nước của chị T để gặp H. Sau đó, giữa hai bên trao đổi, thống nhất thế nào thì chị S không biết.

- Chị Nguyễn Thị T khai: Do có mối quan hệ quen biết với H nên chị T đã 03 lần giới thiệu người quen cho H. Cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 4 năm 2019, chị T giới thiệu chị Hoàng Thị S, về việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 01 tháng sau chị S nói cho chị T biết H đã làm xong thủ tục trên. Việc chị S và H thỏa thuận với nhau như thế nào chị T không biết.

Lần 2: Vào khoảng tháng 7 năm 2019, do chị S nhờ hỏi H làm giúp thủ tục được hưởng chế độ thương binh nên chị Tân điện thoại cho Hà hỏi. Hà bảo với chị T là làm được nên chị T điện thoại báo lại cho chị S biết. Khoảng 01 đến 02 hôm sau, thấy H đến quán chị Tân chơi thì chị T gọi điện cho chị S bảo mang hồ sơ ra quán cho H xem. Tại quán nước của chị T, chị S gặp và đưa cho H hồ sơ làm thủ tục hưởng chế độ thương binh. H nhận hồ sơ và nói sẽ báo chi phí sau. Buổi tối cùng ngày, H gọi điện cho chị T báo chi phí là 30.000.000đ, thì chị T báo lại chị S. Khoảng 01 đến 02 hôm sau, chị S mang 30.000.000đ ra quán nhờ chị Tân đưa lại cho H. Chị T nhận tiền, sau đó nhờ anh Đỗ Xuân G (làm nghề chạy xe ôm) chuyển cho H 20.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng chị Tân giữ lại bảo H khi nào làm xong mới đưa. Đến tháng 6/2020, chị S ra quán chị Tân hỏi chị Tân về công việc H nhận giúp, chị T gọi điện cho H thì H bảo sang tháng 7/2020 sẽ xong. Chị T đã đưa lại cho chị S số tiền 10.000.000đ.

Lần 3: Vào khoảng đầu năm 2020, chị T giới thiệu chị Lê Thị D, về việc làm thủ tục tách thửa. Khoảng 01 tuần sau, chị D điện thoại cho chị T nói H đã cho người đi đo đạc đất và chị D đã thanh toán số tiền 2.000.000đ. Chị D có nói đã giao tiền cho H nhưng không nói giao bao nhiêu.

Chị Tân không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu những người trên cho Hà.

- Anh Đỗ Xuân G khai: Anh Giáp làm nghề xe ôm thường hay đến quán của chị Nguyễn Thị T. Khoảng tháng 7 năm 2019, tại quán, chị T bảo cầm 20.000.000đ chuyển cho Nguyễn Văn H đang ở bên Bãi Cháy. Anh G cầm số tiền trên đưa cho H và được H trả tiền công 50.000đ.

- Anh Hà Ngọc S có lời khai như nội dung lời khai của anh Hà Văn Y, chị Lê Thị D nêu trên.

-Chị Nguyễn Thị B khai: Khoảng tháng 8 năm 2019, chị B giới thiệu chị gái là Nguyễn Thị Ocho H để nhờ H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, việc chị O và H gặp gỡ, thỏa thuận với nhau như thế nào thì chị O không được biết. Sau này chị B biết chị O đưa cho H số tiền 35.000.000đ nhưng H không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị O.

- Anh Trần Hùng Q khai: Ngày 16/6/2020, tại nhà chị D, anh Q được chứng kiến việc chị D yêu cầu Nguyễn Văn H viết giấy đã nhận của chị D số tiền 13.500.000đ, trong thời hạn 10 ngày nếu không làm được phải trả lại hồ sơ và số tiền trên.

- Chị Nguyễn Thị D khai: Là chuyên viên thuộc Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Hạ Long, có quen biết Nguyễn Văn H khoảng 02 năm nay. Chị D đã 02 lần xem hồ sơ hộ Hà, cụ thể:

Lần 1: Khoảng đầu năm 2020, Hà mang lên phòng tài nguyên và môi trường một bộ hồ sơ gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà Văn Y và 01 sổ giấy tờ khác (chị Dương không nhớ rõ gồm giấy tờ gì). H bảo chị D xem hồ sơ trên còn thiếu giấy tờ gì để làm thủ tục tách thửa không. Chị D xem qua thấy hồ sơ còn thiếu nên bảo Hà cầm về bổ sung. Khoảng đầu tháng 7 năm 2020, H gọi điện cho chị D (số điện thoại: 0913528678) bảo gửi hồ sơ nhờ chị D xem hộ xem đã đầy đủ giấy tờ chưa. Xem qua hồ sơ, chị D thấy 02 bản vẽ do anh Nguyễn Hùng C đo vẽ còn thiếu chữ ký của hộ giáp ranh nên đã thông báo lại cho H. Sau đó, H cho 01 người nam thanh niên lên lấy lại 02 bản vẽ đó, còn giấy tờ khác chị D vẫn đang giữ. Chị D tự nguyện giao nộp toàn bộ hồ sơ nêu trên cho Cơ quan CSĐT công an thành phố Hạ Long.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 7 năm 2020, Hà đến gặp chị D tại Trung tâm Hành chính công thành Hạ Long để nhờ xem hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã đầy đủ hay chưa. Chị D cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (người sử dụng đất tên N) xem qua, thấy không đủ điều kiện thì trả lời ngay cho Hà là không thể làm được và trả lại ngay hồ sơ đó cho H. Bị cáo không nhờ chị D làm hồ sơ chuyển đổi mục đích trên.

Giữa chị D và H không thỏa thuận gì về việc H sẽ trả công cho chị D

- Anh Nguyễn Hùng C khai: Anh C là nhân viên đo đạc, xây dựng của công ty cổ phần đo đạc và xây dựng quảng Ninh. Khoảng tháng 10 năm 2019, anh H có gọi điện cho anh Cường nhờ đo vẽ trích lục thửa đất cho anh Hà Văn Y . Sau đó, anh Cường đã đến nhà chị D, anh C tiến hành đo đạc, lập bản vẽ. Anh C đã nhận của chị D 2.000.000đ tiền đo đạc và đã trả bản vẽ cho chị D.

- Anh Nguyễn Bá C có lời khai phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn C, chị Trần Thị X nêu trên.

- Ông Nguyễn Thanh S có lời khai phù hợp với nội dung lời khai của chị Nguyễn Thị Ánh N và bà Phạm Thị L.

Tại bản cáo trạng số:126 /CT-VKSHL ngày 19 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự;

**) Tại phiên tòa:*

* Bị cáo, các bị hại (có mặt) đều có lời khai hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra. Ngoài ra, bị cáo khai thời điểm bị cáo nhận làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn T (thông qua chị Đinh Thị T), quá trình điều tra do không nhớ nên bị cáo đã khai thời điểm đó vào khoảng năm 2016, 2017. Nay bị cáo khẳng định thời điểm trên vào khoảng tháng 10 năm 2018. Bị cáo không giới thiệu với các bị hại là cán bộ nhà nước như nội dung vụ án nêu trên. Đối với trường hợp của ông N, sau khi nhận tiền và giấy tờ của ông N bị cáo đã đến cơ quan nhà nước để giúp ông N làm thủ tục chứ không phải nhận làm mà không làm. Việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Hạ Long có văn bản trả hồ sơ cho ông Ngân không đủ điều kiện thì khi đó bị cáo không biết, chỉ mãi đến khi bị tạm giam bị cáo mới được biết đến tài liệu đó.

* Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đinh Văn T và chị Đinh Thị T đều khẳng định thời điểm chị T nhờ Nguyễn Văn H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông Đinh Văn T vào khoảng cuối năm 2018.

* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; **điểm g khoản 1 Điều 52**; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 09 đến 10 năm tù, tổng hợp hình phạt 04 năm tù tại bản án số 14/2021/HSST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân TP Hạ Long về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 13 đến 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- **Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.**

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho các bị hại tổng số tiền là **280.500.000đ, cụ thể:** ông Nguyễn Văn N **160.000.000 đồng**; chị Trần Thị X và

ông Nguyễn Văn C 22.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Sáu số tiền là: 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị O 35.000.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Ánh N 30.000.000 đồng; bà Lê Thị D và ông Hà Văn Y 13.500.000 đồng.

Đối với số tiền các bị hại không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, cụ thể: Chị Lê Tuyết M 5.000.000đ, chị Đinh Thị T 4.000.000đ và ông Nguyễn Văn N 10.000.000đ, tổng là 19.000.000đ là tiền bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại không tranh luận.

Người bào chữa trình bày bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Bị cáo không bổ sung gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hạ Long, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội; về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận đã 08 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung vụ án nêu trên; tại phiên tòa bị cáo khẳng định lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra là tự nguyện, đúng sự thật; thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Về thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đối với chị Đinh Thị t (con gái ông Đinh Văn T), quá trình điều tra bị cáo khai vào khoảng năm 2016, 2017. Tại phiên tòa, bị cáo khai thời điểm trên vào tháng 10 năm 2018, phù hợp với nội dung lời khai của chị T, ông T tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, có đủ cơ sở xác định thời điểm trên vào cuối năm 2018.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ; phù hợp với Kết luận giám định số 1064 ngày 14/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ khoảng cuối năm 2018 đến ngày 06/7/2020, Nguyễn Văn H bằng thủ đoạn giả danh là người làm việc trong các cơ quan nhà

nước để tạo niềm tin và hứa với các bị hại sẽ làm được các thủ tục: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hưởng chế độ hưởng lương thương binh, bổ sung tiền đền bù quyền sử dụng đất, phúc khảo điểm thi công chức, tách thửa. Do tin tưởng các bị hại đã giao hồ sơ, tiền cho bị cáo để làm các thủ tục trên. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Bằng thủ đoạn gian dối trên, bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 299.500.000đ (hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể: chị Đinh Thị T 4.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn N 170.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị X 22.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị S 20.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Oanh 35.000.000 đồng, chị Lê Tuyết M 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ánh N 30.000.000 đồng và của bà Lê Thị D 13.500.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, đã **xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác**.

Do đó, hành vi như trên của Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Điều 174 của Bộ luật hình sự qui định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

Bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu về tài sản của mọi công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng do lối sống thích hưởng thụ, lười lao động, ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Do đó, thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục và ngăn chặn tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên”; “phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” (Đối với ông Nguyễn Văn N) theo qui định tại điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra cũng cần xem xét nhân thân bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo đang chấp hành hình phạt 04 năm tù tại

bản án hình sự số 14/2021/HSST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức”. Do đó, cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo qui định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự;

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự qui định, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo đang chấp hành hình phạt tù, nên không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài liệu, giấy tờ cho các bị hại theo đúng qui định của pháp luật, các bị hại không yêu cầu gì, nên không xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Đinh Thị T, Lê Tuyết M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, ông Nguyễn Văn N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 10.000.000đ ông N đưa cho H lần thứ nhất, nên cần ghi nhận. Số tiền còn lại, các bị hại đều yêu cầu nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho các bị hại.

- Việc số tiền 5.000.000đ chị Mai khai đưa cho bị cáo là của chị T, được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận thực hiện hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc hộ nghèo và đề nghị được miễn án phí, nên cần xét miễn án phí cho bị cáo theo qui định của pháp luật

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Liên quan trong vụ án:

Đối với người phụ nữ tên H theo lời khai của H là người đã giữ hồ sơ của ông N và ông C; người mua xe ô tô biển kiểm soát 14A-253.11 và người thanh niên tên Lưu Quang T, do chưa đủ thông tin nên quá trình điều tra không xác định được lý lịch của các đối tượng. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ đề cập xử lý sau, nên không xét.

Đối với anh Nguyễn Mạnh C, cho bị cáo mượn chiếc xe ô tô 14A - 253.11, quá trình điều tra xác định anh Cường không biết bị cáo sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Đinh Xuân N là chủ xe 14A – 220.49 và anh Trần Anh L chủ xe 14A – 269.12, đã nhiều lần chở H đến các địa điểm trong khu vực thành phố

hạ Long, trong đó có các lần đến phường Việt Hưng. Quá trình điều tra xác định họ đều không biết bị cáo đến đó để làm gì, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị T là người giới thiệu cho bị cáo gặp các bị hại, thông qua Đỗ Xuân G đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng như lời khai nêu trên. Quá trình điều tra xác định chị T không biết bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì. Tại phiên tòa, bị cáo khai chị Tân được chia tiền sau mỗi lần giới thiệu, nhưng không đủ cơ sở, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Đỗ Xuân Giáp, nhận số tiền 20.000.000đ từ chị T và mang đến cho bị cáo, quá trình điều tra xác định anh G là người làm nghề xe ôm, không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị B, chị Hoàng Thị S, anh Lê Văn T là người giới thiệu bị cáo cho các bị hại như lời khai nêu trên. Quá trình điều tra xác định những người này không biết bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Trần Minh Cg khai có được 07 tập tài liệu nêu trên do người đàn ông tên Vũ nhà ở Hải phòng (không rõ lý lịch cụ thể) đưa cho nhờ mang lên công an thành phố Hạ Long nộp. Anh C không biết các tập tài liệu trên do đâu mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; **điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56** của Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Xử phạt: Nguyễn Văn H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, cộng với 04 (bốn) năm tù tại bản án số 14/2021/HSST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân Hạ Long về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung là: 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt: Ngày 07/7/2020.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho các bị hại tổng số tiền là **280.500.000đ (hai trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng)**. **Cụ thể:** ông Nguyễn Văn N **160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng)**; chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn C **22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng)**; bà Nguyễn Thị S **20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)**; chị Nguyễn Thị O **35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng)**; Chị Nguyễn Thị Ánh N **30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)**; bà Lê Thị D và ông Hà Văn Y **13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.Về số tiền 5.000.000đ chị M khai đưa cho bị cáo là của chị Lê Thị T, được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP.Hà Long;
- Công an thành phố Hà Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Long;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + THAHS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng